

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 237/2021/DS-ST
Ngày 07-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Tám.

Ông Lê Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Triệu Nhựt Giang là Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn Nh, sinh năm 1964. Cư trú khóm S, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1959 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Văn Nh (văn bản ủy quyền ngày 27-02-2021). Cư trú khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Bà Cao Thị Diệu Ng, sinh năm 1971. Cư trú ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-01-2021 và bản tự khai, ông Trương Văn Nh trình bày:

Khoảng năm 2017-2018, ông Nh có nhiều lần bán hạt cà phê, đậu nành cho bà Ng bằng hình thức gói đầu (lấy hàng trước trả tiền sau). Đến ngày 17-4-2018,

giữa hai bên kết toán, bà Ng còn nợ ông Nh số tiền 25.000.000 đồng có làm tờ biên nhận. Kể từ ngày kết toán nợ, ông Nh có đòi bà Ng thanh toán nhưng bà Ng không chịu trả tiền.

Ông Nh yêu cầu bà Ng trả số tiền 25.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 12 năm 2020 là 32 tháng với lãi suất 01%/tháng là 8.000.000 đồng. Tổng cộng là 33.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, 93, 94, 95, 96, 97, 195, 196, 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

Ông Nh đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Ng không thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tuy việc mua bán tài sản giữa ông Nh và bà Ng không có làm hợp đồng nhưng căn cứ Điều 119, Điều 275 Bộ luật dân sự thì giao dịch vẫn được công nhận làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của ông Nh và bà Ng. Đến ngày 17-4-2018, bà Ng có nợ ông Nh 25.000.000 đồng có làm biên nhận và có chữ ký tên của bà Ng. Căn cứ khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu của ông Nh, buộc bà Ng trả cho ông Nh số tiền 25.000.000 đồng.

Phần lãi suất chậm trả, ông Nh yêu cầu 01%/tháng trong thời hạn 32 tháng từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 12 năm 2020 với số tiền là 8.000.000 đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận lãi suất 01%/tháng mà chỉ chấp nhận lãi suất chậm trả 10%/năm trong thời hạn 32 tháng từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 12 năm 2020 với số tiền lãi 6.666.667 đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự tương ứng phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Ông Nh có đơn khởi kiện đối với bà Ng về yêu cầu trả tiền mua bán hạt cà phê, đậu nành. Bà Ng có địa chỉ cư trú tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định

tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nh vắng mặt tại phiên tòa, ủy quyền cho ông A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu trả tiền

Ông Nh cho rằng “*năm 2017-2018, ông Nh đã nhiều lần bán hạt cà phê, đậu nành cho bà Ng theo hình thức giao hàng trước nhận tiền sau*”. Theo đó, giữa ông Nh với bà Ng đã có xác lập quan hệ hợp đồng mua bán tài sản có nội dung, hình thức phù hợp quy định Điều 117, đoạn 1 Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015 nên hợp đồng mua bán tài sản có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nh đã hoàn thành việc giao tài sản nhưng bà Ng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền cho ông Nh được chứng minh bằng tờ biên nhận ngày 17-4-20218 có nội dung bà Ng đã tự nguyện xác nhận nghĩa vụ “*còn nợ ông Nh 25.000.000 đồng*”. Mặt khác, kể từ ngày Toà án thụ lý, giải quyết vụ án, thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà Ng không có văn bản ý kiến phản đối đối với yêu cầu, chứng cứ do ông Nh đưa ra nên ông Nh không phải chứng minh gì khác theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, bà Ng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền là vi phạm hợp đồng mua bán tài sản nên ông Nh yêu cầu bà Ng thực hiện nghĩa vụ trả tiền là có cơ sở. Theo quy định khoản 1 Điều 351, đoạn 1 Điều 430, Điều 431 Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án chấp nhận khởi kiện của ông Nh về yêu cầu bà Ng trả số tiền 25.000.000 đồng.

[3] Về yêu cầu trả lãi, mức lãi suất, thời gian do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

Ngoài việc ông Nh yêu cầu bà Ng trả tiền vốn gốc từ việc mua tài sản, thì ông Nh còn yêu cầu bà Ng trả thêm tiền lãi 8.000.000 đồng do bà Ng chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền kể từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 12 năm 2020. Tòa án xét thấy, đáng lẽ bà Ng phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền vào thời điểm nhận tài sản nhưng đến ngày 17-4-2018, bà Ng xác nhận về nghĩa vụ trả tiền, không có thỏa thuận về thời hạn thanh toán tiền vốn gốc thì thời điểm tháng 4 năm 2018 được xem là ngày bà Ng chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc. Mặt khác, ông Nh yêu cầu bà Ng phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất chậm trả 01%/tháng nhưng theo tờ biên nhận ngày 17-4-2018, các bên cũng không có thỏa thuận mức lãi suất do chậm trả tiền, ông Nh có tranh chấp về mức lãi suất đối với yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên Tòa án xem xét, điều chỉnh mức lãi suất chậm trả tiền theo quy định tại Điều 357, khoản 3 Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy, số tiền lãi của số tiền gốc chậm trả mà bà Ng phải chịu được xác định như sau: số tiền gốc chậm trả 25.000.000 đồng x mức lãi suất chậm trả

0,83%/tháng (10%/năm) x thời gian 32 tháng chậm trả = số tiền lãi 6.640.000 đồng. Tòa án chấp nhận một phần khởi kiện của ông Nh về yêu cầu bà Ng trả tiền lãi 6.640.000 đồng kể từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 12 năm 2020.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Nh nên bà Ng phải chịu 1.582.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117, khoản 1 Điều 351, Điều 357, khoản 1 Điều 430, khoản 3 Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn Nh đối với bị đơn bà Cao Thị Diệu Ng về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Bà Cao Thị Diệu Ng phải trả cho ông Trương Văn Nh số tiền vốn, lãi mua hạt cà phê, đậu nành là 31.640.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho ông Trương Văn Nh số tiền tạm ứng án phí 825.000 đồng theo biên lai số: TU/2019/0001825 ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Bà Cao Thị Diệu Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.582.000 đồng.

Ông Nh, bà Ng vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tâm Nhân